TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 174/2025/DS-ST Ngày: 25-9-2025 V/v tranh chấp chia di sản thừa kế	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Vân;
- Ông Huỳnh Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp *"Chia di sản thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị Út Mười H1, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Bà Chế Thị H2, sinh năm 1951; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang);

+ Bà Lê Hồng P, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Ông Lê Thanh T, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng

Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Ông Lê Thanh T2, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Bà Lê Thị Hồng C, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp P, phường C, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Ông Lê Thanh T3, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang);

+ Bà Lê Thị Hồng H3, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang);

+ Anh Lê Thanh T4, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Chị Lê Thị Hồng P1, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Anh Lê Thanh T5, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang);

+ Bà Lê Thị M1, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang);

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang);

+ Ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang);

+ Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp A, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn Tuấn E, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn Hòn E1, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Ông Lê Văn H5, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp H, phường C, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang); (Vắng mặt)

+ Bà Lê Thị M2, sinh năm 1963; cư trú tại: Số I, Khu phố B, phường C,

tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Số I, Khu phố B, Phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang); (Xin vắng mặt)

+ Ông Lê Văn H6, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang); (Có mặt)

+ Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang); (Có mặt)

+ Bà Lê Thị K, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp E, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang); (Có mặt)

+ Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp H, xã N, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Xin vắng mặt)

+ Phòng C3 tỉnh Tiền Giang (Nay là Phòng C4, tỉnh Đồng Tháp); Địa chỉ trụ sở: Số B đường C, Khu phố B, phường C, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Số B đường C, Khu phố B, Phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang). (Xin vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, bà H3, anh T5, bà H4, bà T6, ông T7: Ông Lê Văn H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Theo 02 văn bản ủy quyền ngày 02-5-2024. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, bà Lê Thị M trình bày:

Cha mẹ bà là cụ ông Lê Văn C2, sinh năm 1927, chết năm 1995 và cụ bà Trần Thị S, sinh năm 1926, chết năm 2013, có 11 người con gồm ông Lê Văn P2, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị T8, ông Lê Văn H5, bà Lê Thị M2, ông Lê Văn H6, bà Lê Thị Ú, bà Lê Thị K, bà Lê Thị Hồng N, ông Lê Văn H và bà. Ông P2 sinh năm 1951, chết năm 2021 có vợ là bà Chế Thị H2 và các con là Lê Hồng P, Lê Thanh T, Lê Thanh T1, Lê Thanh T2, Lê Thị Hồng C, Lê Thanh T3, Lê Thị Hồng H3, Lê Thanh T4, Lê Thị Hồng P1 và Lê Thanh T5. Bà T8 sinh năm 1955, chết năm 2012 có chồng là Nguyễn Văn Đ1 (Đã chết) và các con là Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn Tuấn E, Nguyễn Văn Hòn E1.

Sinh thời, cha mẹ bà có tạo lập được các phần đất là thửa 2391, diện tích 780m^2 và thửa đất số 2402A, diện tích 678m^2 cùng tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H"04294 và "H" 04293 cùng ngày 27-5-2008 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ S đứng tên. Khi cụ C2 và cụ S chết đều không để lại di chúc. Ông Lê Văn H tự ý lập Văn bản phân chia và tặng cho di sản thừa kế ngày 03-12-2013 tại Phòng C3 tỉnh Tiền Giang để thừa kế đối với thửa đất 2391 và

2402A sang cho ông H đứng tên quyền sử dụng đất và được đổi thành các thửa số 87, diện tích 1.089m^2 và thửa số 88, diện tích 1.150m^2 cùng tờ bản đồ số 26 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00478 và CH00479 cùng ngày 21-02-2014 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông H.

Việc ông H tự ý kê khai lập thủ tục thừa kế, ông H làm giấy cam kết hàng thừa kế xác nhận cụ S, cụ C2 chỉ có 02 người con là Lê Thị Ú và Lê Văn H để được chứng thực văn bản phân chia thừa kế là không đúng pháp luật. Do đó, nay bà yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản ngày 03-12-2013 đối với thửa đất số 87 (Trước đây là thửa đất số 2391), diện tích 1.089m^2 và thửa đất 88 (Trước đây là thửa đất số 2402A), diện tích 1.150m^2, hai thửa đất cùng tờ bản đồ 26, tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Phòng C3 tỉnh Tiền Giang công chứng số 479, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu. Xác định thửa đất 87, 88 nêu trên nay đo đạc thực tế là 2.014,9m^2 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc là di sản thừa kế của bà Trần Thị S chết để lại và chia làm 11 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà S gồm: Lê Văn P2, Lê Thị M1, Lê Thị T8, Lê Văn H5, Lê Thị M2, Lê Văn H6, Lê Thị Ú, Lê Thị K, Lê Thị Hồng N, Lê Văn H và Lê Thị M, phần ông P2, bà T8 để lại cho các con của hai người này quản lý sử dụng, nếu chưa nhận thì sẽ giao cho ông H quản lý sử dụng. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật và được nhận phần ở phía có căn nhà, khu mộ để tiếp tục thờ cúng ông bà, các em của bà là bà M1, ông H6, bà Ú, bà K, bà N cũng yêu cầu nhận bằng hiện vật nên bà xin được chia ½ diện tích đất.

Bị đơn, ông Lê Văn H, ông H còn là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chế Thị H2, Lê Thị Hồng H3, Lê Thanh T3, Lê Thanh T5 , Nguyễn Thị H4 và Nguyễn Thị Trang Q trình bày: Ông đồng ý chia thừa kế toàn bộ phần đất còn lại theo thực tế đo đạc với tổng diện tích 2.014,9m^2 theo bản vẽ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (Nay là Chi nhánh Văn phòng Đ3, tỉnh Đồng Tháp). Phần đất nay thuộc các thửa số 87, diện tích 1.089m^2 và thửa số 88, diện tích 1.150m^2 cùng tờ bản đồ số 26 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00478 và CH00479 cùng ngày 21-02-2014 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông. Ông sẽ nhận kỷ phần của ông theo quy định của pháp luật, đối với những người được chia còn lại chưa có nhu cầu sử dụng thì ông sẽ tạm quản lý sử dụng và sẽ chia lại cho những người này sau này. Ông xin nhận và tạm quản lý kỷ phần có diện tích 1.007,4m^2 là phần đất không có nhà và mộ. Yêu cầu phía bà M, bà M1, ông H6, bà Ú, bà K, bà N phải trả giá trị các cây trồng trên phần đất 1.007,5m^2 mà những người này được nhận; đối với phần căn nhà, mái che ông không có yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn H6, bà Lê Thị M1, Lê

Thị Ú, Lê Thị K, Lê Thị M2 và Lê Thị Hồng N cùng trình bày: Các ông bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M. Có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, yêu cầu ông Lê Văn H phải chia lại cho các ông bà và bà M một kỷ phần thừa kế đối với thửa đất số 87 và 88 nêu trên hiện do ông H đang đứng tên quyền sử dụng đất, diện tích được tính theo kết quả đo đạc thực tế. Các ông bà đồng ý trả lại giá trị cây trồng trên đất cho ông H theo định giá. Bà M2 không yêu cầu chia riêng cho bà một kỷ phần, đồng ý giao phần của bà cho ông H quản lý sử dụng, sau này có tranh chấp sẽ giải quyết sau; đối với các ông bà còn lại thống nhất yêu cầu chia chung cho bà M và các ông bà phần đất 1.007,5m^2, đồng ý trả giá trị cây trồng cho ông H theo định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn H5 trình bày: Ông thống nhất chia di sản thừa kế của bà S đối với phần đất 2.014,9m^2 đất theo thực tế đo đạc của các thửa đất 87, 88 hiện do ông H đứng tên, chia làm 11 kỷ phần, phần của ông sẽ giao cho ông H tạm quản lý, nếu sau này có tranh chấp sẽ được phân chia sau trong phạm vi phần của ông H quản lý. Đối với giá trị cây trồng phía ông H được nhận.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn là bà Lê Thị M và bị đơn là ông Lê Văn H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt đã thống nhất thỏa thuận hủy Văn bản phân chia di sản thừa kế; xác định hai thửa đất 87 và 88 hiện do ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của cha mẹ để lại chưa chia; ông H có nghĩa vụ chia cho bà Lê Thị M, Lê Thị M1, Lê Thị Ú, Lê Thị K, Lê Thị Hồng N và ông Lê Văn H6 một nửa diện tích (Theo đo đạc thực tế) của hai thửa đất 87 và 88. Phần còn lại sẽ được xác định là di sản thừa kế chưa chia của ông H, ông Lê Văn H5, bà Lê Thị M2, ông Lê Văn P2 và bà Lê Thị T8 (Phần của ông P2, bà T8 sẽ do người thừa kế được hưởng) và tạm giao cho ông H được tiếp tục quản lý sử dụng. Phía bà M, bà M1, bà Ú, bà K, bà N và ông H6 có nghĩa vụ trả lại giá trị cây trồng cho ông H theo định giá và thỏa thuận giữa hai bên với số tiền 97.911.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và việc thỏa thuận này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp *"Chia di sản thừa kế"* và thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị M2, Lê Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Trần Thị Út Mười H1, Lê Hồng P, Lê Thanh T, Lê Thanh T1, Lê Thanh T2, Lê Thị Hồng C, Lê Thanh T4, Lê Thị Hồng P1, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Thị B, Nguyễn văn Tuấn E, Nguyễn Văn Hòn E1, Lê Văn H5 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M, Lê Thị M1, Lê Thị M2, Lê Thị Ú, Lê Thị K, Lê Thị Hồng N và ông Lê Văn H6, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản lập ngày 03-12-2013 tại Phòng C3 tỉnh Tiền Giang được lập bởi bà Lê Thị Ú, ông Lê Văn H và bà Trần Thị Út Mười H1; thừa nhận các phần đất thuộc thửa số 87, diện tích 1.089m^2 và thửa số 88, diện tích 1.150m^2 cùng tờ bản đồ số 26 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00478 và CH00479 cùng ngày 21-02-2014 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn H là di sản thừa kế của cụ Lê Văn C2 và Trần Thị S chết để lại. Cụ S và cụ C2 khi chết không có để lại di chúc, nay các đương sự thống nhất phân chia di sản là thửa đất 87 và 88 đã nêu làm 11 kỷ phần cho những người con của hai cụ gồm các ông bà: Lê Văn P2, Lê Thị M1, Lê Thị T8, Lê Văn H5, Lê Thị M2, Lê Văn H6, Lê Thị Ú, Lê Thị K, Lê Thị Hồng N, Lê Văn H và Lê Thị M. Phần của ông P2, bà T8 sẽ để lại cho các con của hai người này quản lý sử dụng, nhưng nay hàng thừa kế của ông P2, bà T8 chưa có yêu cầu nên sẽ giao cho ông H tạm quản lý sử dụng. Giá trị đất được tính để giải quyết trong vụ án này được các đương sự thống nhất xác định là 497.000 đồng/m^2 tính đều trên các loại đất.

Qua đo đạc thực tế, thửa đất 87 hiện có diện tích l.039,2m^2 (Trừ ra phần chuyển nhượng làm đường nước cho ông Võ Văn Đ2 26,4m^2); thửa 88 diện tích còn lại 975,7m^2 (Trừ ra phần do ông Nguyễn Văn T9 sử dụng 165,6m^2, ông Lê Văn T10 sử dụng 3,3m^2 và ông Lê Văn B1 sử dụng 5,4m^2). Các bên thỏa thuận

bà M, bà M1, ông H6, bà Ú, bà K, bà N sẽ nhận phần đất có diện tích 541m^2 (Gồm phần đất có căn nhà 64,4m^2, khu mộ 9,9m^2 và phần còn lại 466,7m^2) thuộc thửa 87 (Trong đó có 150m^2 đất thổ cư, còn lại là đất trồng cây lâu năm) và 466,5m^2 đất thuộc thửa 88 (Gồm phần 60m^2 và 406,5m^2). Phía ông H, ông H5, bà M2 và những người thừa kế của ông P2, bà T8 sẽ nhận phần 498,2m^2 đất thuộc thửa 87 (Gồm phần 438,2m^2 và 60m^2, trong đó có 150m^2 đất thổ cư, còn lại là đất trồng cây lâu năm) và phần 509,2m^2 thuộc thửa 88, phần này các đương sự chưa yêu cầu phân chia, ông H cũng không có đơn yêu cầu phân chia nên tạm giao cho ông H tiếp tục quản lý sử dụng, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết sau.

Phần đất mà phía bà M, bà M1, ông H6, bà Ú, bà K, bà N được nhận có các cây trồng gồm: Phần ở thửa 87 có 10 cây sầu riêng loại B2 có giá trị 42.000.000 đồng, 02 cây sầu riêng loại C có giá trị 1.000.000 đồng, 31 cây tắc loại A có giá trị 18.135.000 đồng; trên thửa đất số 88 có 03 cây sầu riêng loại D có giá trị 13.653.000 đồng, 02 cây sầu riêng loại B2 có giá trị 8.400.000 đồng, 01 cây sầu riêng loại B1 có giá trị 11.018.000 đồng và 19 cây tắc loại D có giá trị 3.705.000 đồng. Tổng giá trị cây trồng là 97.911.000 đồng. Các bên thỏa thuận là bà M, bà M1, ông H6, bà Ú, bà K, bà N sẽ có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho ông H.

Đối với căn nhà, mái che trên phần đất bà M được nhận là nhà thờ (Căn nhà giá trị còn lại là 15.147.859 đồng và mái che 1.724.305 đồng), các đương sự không có tranh chấp, ông H không yêu cầu hoàn giá trị nên không đặt ra giải quyết.

Xét sự thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà M, bà M1, ông H6, bà Ú, bà K, bà N được chấp nhận nên các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản mà mình được phân chia theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do bà M, bà M1, ông H6, bà Ú, bà K là người cao tuổi nên được cho miễn nộp, bà N phải chịu án phí theo quy định. Đối với bà Lê Thị M2 có yêu cầu khởi kiện độc lập được chấp nhận, nhưng bà M2 có ý kiến để phần di sản bà được hưởng cho ông H tiếp tục quản lý sử dụng, sau này các bên thỏa thuận phân chia sau nên bà M2 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng bà Lê Thị M yêu cầu giải quyết là 9.699.000 đồng, bà M yêu cầu ông H trả lại cho bà một nửa và ông H đã đồng ý trả lại cho bà Mẫu số tiền 4.849.500 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M và yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Lê Thị M1, Lê Thị M2, Lê Thị Ú, Lê Thị K, Lê Thị Hồng N và ông Lê Văn H6. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1.1. Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia và tặng cho di sản lập ngày 03-12-2013 tại Phòng C3 tỉnh Tiền Giang được lập bởi bà Lê Thị Ú, ông Lê Văn H và bà Trần Thị Út Mười H1.

1.2. Xác định thửa đất số 87, diện tích 1.089m^2 (Đo đạc thực tế còn lại 1.039,2m^2) và thửa số 88, diện tích 1.150m^2 (Đo đạc thực tế còn lại 975,7m^2) cùng tờ bản đồ số 55 (Trước đây là tờ bản đồ số 26) tại ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00478 và CH00479 cùng ngày 21-02-2014 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn H là di sản thừa kế của cụ Lê Văn C2 và cụ Trần Thị S chết để lại chưa chia.

1.3. Buộc ông Lê Văn H có nghĩa vụ chia cho bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, ông Lê Văn H6, bà Lê Thị Ú, bà Lê Thị K, bà Lê Thị Hồng N phần đất có tổng diện tích 1.007,5m^2 thuộc hai thửa đất 87 và 88 nêu trên cùng toàn bộ cây trồng, căn nhà, mái che có trên đất, cụ thể như sau:

- Phần đất có diện tích 541m^2 (Gồm phần đất có căn nhà 64,4m^2, khu mộ 9,9m^2 và phần còn lại 466,7m^2) là một phần của thửa đất số 87 (Trong đó có 150m^2 đất thổ cư, còn lại là đất trồng cây lâu năm) tờ bản đồ số 55 (Trước đây là tờ bản đồ số 26) tại ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00478 ngày 21-02-2014 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn H, có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Thửa đất số 88, phần còn lại của thửa đất số 87;

+ Phía Tây giáp: Đường bê tông;

+ Phía Nam giáp: Thửa đất số 94;

+ Phía Bắc giáp: Phần còn lại của thửa đất số 87.

Có sơ đồ kèm theo.

- Phần đất có diện tích 466,5m^2 (Gồm phần 60m^2 và 406,5m^2) là một phần của thửa đất số 88 (Đất chuyên trồng lúa nước), tờ bản đồ số 55 (Trước đây là tờ bản đồ số 26) tại ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00479 ngày 21-02-2014 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn H, có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Phần còn lại của thửa đất số 88 do ông Lê Văn B2 sử dụng;

+ Phía Tây giáp: Thửa đất số 87;

+ Phía Nam giáp: Thửa đất số 94;

+ Phía Bắc giáp: Phần còn lại của thửa đất số 88.

Có sơ đồ kèm theo.

1.4. Xác định phần đất còn lại của thửa đất 87 và 88 nêu trên sau khi đã chia cho bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, ông Lê Văn H6, bà Lê Thị Ú, bà Lê Thị K, bà Lê Thị Hồng N là di sản thừa kế chung chưa chia của ông Lê Văn H, Lê Văn H5, Lê Văn P2, bà Lê Thị M2, Lê Thị T8 (Phần của ông P2, bà T8 sẽ do những người thừa kế của ông P2, bà T8 được hưởng). Tạm giao cho ông Lê Văn H là người quản lý sử dụng, khi có tranh chấp sẽ được giải quyết sau.

1.5. Buộc bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, ông Lê Văn H6, bà Lê Thị Ú, bà Lê Thị K, bà Lê Thị Hồng N có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây trồng trên phần đất được chia cho ông Lê Văn H với số tiền 97.911.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

1.6. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thỏa thuận trên theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn H có nghĩa vụ trả cho bà bà Lê Thị Mẫu S1 tiền 4.849.500 (Bốn triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, ông Lê Văn H6, bà Lê Thị Ú, bà Lê Thị K, bà Lê Thị Hồng N có nghĩa vụ chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia (Giá trị cây trồng là 97.911.000 đồng và giá trị phần đất là 500.727.500 đồng) là 27.945.540 đồng, tương ứng phần mỗi người phải chịu là 4.657.500 đồng. Bà M, bà M1, ông H6, bà Ú, bà K là người cao tuổi nên được cho miễn nộp. Bà N phải nộp 4.657.500 (Bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017750 ngày 27-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp 3.407.500 (Ba triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn năm trăm) đồng.

Bà Lê Thị Ú, Lê Thị K, ông Lê Văn H6 mỗi người được nhận lại 1.250.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017749, 0017751 và 0017752 cùng ngày 27-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự (Hoặc đương sự có người đại diện theo ủy quyền) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực